

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN TIỀN ĐỘC LẬP VỀ SAI BẢO CAPITAL CHIEU HON TIAT TOM TAT

Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Căn cứ từ 35 kiểm toán của năm tài chính kết thúc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và các công ty con cùng là "Vietcombank" và các công ty con ngày 31 tháng 12 năm 2010 và từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập ra và gửi kèm với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con kèm theo báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính tóm tắt hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính tóm tắt hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập ra và gửi kèm với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con. Báo cáo tài chính tóm tắt hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập ra và gửi kèm với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

Trần Văn Thanh

Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc tài chính

Chức vụ: Giám đốc tài chính

Trần Văn Thanh

Chức vụ: Giám đốc tài chính

Việt Nam

Ngày 31-12-2010

Trần Văn Thanh

Chức vụ: Giám đốc tài chính

Việt Nam







**KPMG Limited**  
16<sup>th</sup> Floor, Pacific Place  
83B Ly Thuong Kiet Street  
Hoan Kiem District, Hanoi  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT**

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và các công ty con (gọi chung là “Vietcombank”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm được lập ra, phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Trong báo cáo kiểm toán của chúng tôi phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2011, chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm là nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Vietcombank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này phải được đọc trong mối liên hệ với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán tương ứng.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo Kiểm toán số: 2010KTo/VCB-KPMG/SU



Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Dương

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV

Hà Nội, **31-03-2011**



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam  
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

		31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>5.232.743</b>	<b>4.485.150</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>8.239.851</b>	<b>25.174.674</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>79.653.830</b>	<b>47.456.662</b>
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	79.499.786	46.480.842
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	159.666	982.218
3	Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(5.622)	(6.398)
<b>IV</b>	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>7.181</b>	<b>5.768</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	10.830	6.001
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(3.649)	(233)
<b>V</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>34.686</b>	<b>-</b>
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>171.124.824</b>	<b>136.996.006</b>
1	Cho vay khách hàng	176.813.906	141.621.126
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(5.689.082)	(4.625.120)
<b>VII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>32.811.215</b>	<b>32.634.887</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	22.780.947	21.020.349
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.329.560	12.040.643
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(299.292)	(426.105)
<b>VIII</b>	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>3.955.000</b>	<b>3.637.730</b>
1	Vốn góp liên doanh	1.563.346	1.270.718
2	Đầu tư vào công ty liên kết	22.965	22.850
3	Đầu tư dài hạn khác	2.524.588	2.447.542
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(155.899)	(103.380)
<b>IX</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>1.586.004</b>	<b>1.505.260</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	1.178.724	1.181.841
a	Nguyên giá	3.539.200	3.152.487
b	Hao mòn tài sản cố định	(2.360.476)	(1.970.646)
3	Tài sản cố định vô hình	407.280	323.419
a	Nguyên giá	606.920	500.504
b	Hao mòn tài sản cố định	(199.640)	(177.085)
<b>XI</b>	<b>Tài sản Có khác</b>	<b>4.850.756</b>	<b>3.599.746</b>
1	Các khoản phải thu	1.919.777	1.565.526
2	Các khoản lãi, phí phải thu	2.349.959	1.616.209
4	Tài sản Có khác	581.020	418.011
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>307.496.090</b>	<b>255.495.883</b>



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam  
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010  
(tiếp theo)

		31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>10.076.936</b>	<b>22.578.400</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>59.535.634</b>	<b>38.835.516</b>
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	53.950.694	31.977.936
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	5.584.940	6.857.580
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>204.755.949</b>	<b>169.071.562</b>
<b>IV</b>	<b>Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>-</b>	<b>81.843</b>
<b>V</b>	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b>	<b>20</b>	<b>19</b>
<b>VI</b>	<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>3.563.985</b>	<b>386.058</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>8.774.055</b>	<b>7.722.844</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	2.637.441	1.848.712
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	2.088	484
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	5.124.795	5.033.207
4	Dự phòng rủi ro cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng	1.009.731	840.441
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>286.706.579</b>	<b>238.676.242</b>
<b>VIII</b>	<b>Vốn và các quỹ</b>		
1	Vốn của tổ chức tín dụng	14.255.875	12.146.020
A	Vốn điều lệ	13.223.715	12.100.860
B	Thặng dư vốn cổ phần	987.000	-
C	Vốn khác	45.160	45.160
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	1.456.675	1.283.539
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	269.314	167.838
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	35.631	8.873
5	Lợi nhuận chưa phân phối	4.651.984	3.104.063
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>20.669.479</b>	<b>16.710.333</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>120.032</b>	<b>109.308</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>307.496.090</b>	<b>255.495.883</b>
	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>I</b>	<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>		
1	Bảo lãnh vay vốn	251	-
2	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	34.540.188	31.639.498
3	Bảo lãnh khác	15.630.554	13.338.765
<b>II</b>	<b>Các cam kết đưa ra</b>		
1	Cam kết tài trợ cho khách hàng chưa giải ngân	1.100.805	380.811

Người lập:

Phùng Nguyễn Hải Yến

Trưởng phòng  
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Danh Dương

Chủ tịch Giám đốc



31-03-2011

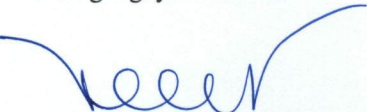


Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam  
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

		Năm kết thúc 31/12/2010 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2009 (điều chỉnh lại) Triệu VNĐ
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20.580.638	15.293.558
2	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(12.392.225)	(8.794.892)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>8.188.413</b>	<b>6.498.666</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.918.540	1.372.403
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(502.130)	(383.190)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>1.416.410</b>	<b>989.213</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>561.680</b>	<b>918.309</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>18.149</b>	<b>183.297</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>268.381</b>	<b>172.876</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	724.527	246.689
6	Chi phí hoạt động khác	(144.780)	(118.683)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>579.747</b>	<b>128.006</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>492.026</b>	<b>396.437</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(4.544.416)</b>	<b>(3.493.917)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>6.980.390</b>	<b>5.792.887</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(1.501.207)</b>	<b>(788.513)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.479.183</b>	<b>5.004.374</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.243.391)	(1.059.621)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(1.243.391)</b>	<b>(1.059.621)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>4.235.792</b>	<b>3.944.753</b>
<b>XIV</b>	<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>(21.248)</b>	<b>(23.398)</b>
<b>XV</b>	<b>Lợi nhuận thuần trong năm</b>	<b>4.214.544</b>	<b>3.921.355</b>
<b>XVI</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ) (điều chỉnh lại)</b>	<b>2.315</b>	<b>2.215</b>

Người lập

Phùng Nguyễn Hải Yến



Trưởng phòng

Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Nguyễn Thị Hoa



Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Danh Lương



Phó Tổng Giám đốc

31-03-2011